**Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu Phiếu Đo Chức Năng Hô Hấp**

**Một số kiểu dữ liệu object:**

**ChucNangHoHap**

| STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TenChucNang | Tên chức năng đo | Chuỗi | 250 |
| 2 | DungTichSong | Dung tích sống | Chuỗi | 50 |
| 3 | DTThoRa | Dung tích thở ra | Chuỗi | 50 |
| 4 | TiSo | Tỉ số | Chuỗi | 50 |
| 5 | ThongKhi | Thông khí | Chuỗi | 50 |
| 6 | KhiDuTru | Khí dư trữ | Chuỗi | 50 |

**Bảng mô tả định dạng**

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | Thông tin | 1.1 | ID | Mã định danh phiếu/giấy | Số nguyên | 25 | |
| **I** | Thông tin | 1.2 | MaBenhNhan | Mã bệnh nhân | Chuỗi | 25 | |
| **I** | Thông tin | 1.3 | Khoa | Khoa | Chuỗi | 250 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| **I** | Thông tin | 1.4 | Buong | Buồng | Chuỗi | 50 | |
| **I** | Thông tin | 1.5 | Giuong | Giường | Chuỗi | 50 | |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | Thông tin | 1.6 | LanThu | Lần thứ | Chuỗi | 3 | |
| **I** | Thông tin | 1.7 | SoVaoVien | Số vào viện | Chuỗi | 50 | |
| **I** | Thông tin | 1.8 | HoVaTenBenhNhan | Họ và tên bệnh nhân | Chuỗi | 250 | |
| **I** | Thông tin | 1.9 | Tuoi | Tuổi bệnh nhân | Số nguyên | 4 | |
| **I** | Thông tin | 1.10 | GioiTinh | Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – Nam,<br>2 – Nữ,<br>3 – Không biết,<br>4 – Chưa xác định. | Số nguyên | 1 | Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định |
| **I** | Thông tin | 1.11 | ChanDoan | Chẩn đoán bệnh | Chuỗi | 1000 | |
| **I** | Thông tin | 1.12 | DiaChi | Địa chỉ nhà bệnh nhân | Chuỗi | 500 | |
| **I** | Thông tin | 1.13 | NgayLamPhieu | Ngày làm phiếu | Ngày giờ | YYYY/MM/DD HH:mm | |
| **I** | Thông tin | 1.14 | MaBacSiDieuTri | Mã bác sĩ điều trị | Chuỗi | 25 | |
| **I** | Thông tin | 1.15 | BacSiDieuTri | Bác sĩ điều trị | Chuỗi | 250 | |
| **I** | Thông tin | 1.16 | MaBacSiChuyenKhoa | Mã bác sĩ chuyên khoa | Chuỗi | 25 | |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | Thông tin | 1.17 | BacSiChuyenKhoa | Tên bác sĩ chuyên khoa | Chuỗi | 250 | |
| **I** | Thông tin | 1.18 | MaQuanLy | Mã quản lý | Số nguyên | 25 | |
| **I** | Thông tin | 1.19 | NgaySinh | Ngày sinh bệnh nhân | Ngày | YYYY/MM/DD | |
| **I** | Thông tin | 1.20 | NgayVaoVien | Ngày vào viện | Ngày giờ | YYYY/MM/DD HH:mm | |
| **I** | Thông tin | 1.21 | SoYTe | Sở Y tế | Chuỗi | 250 | |
| **I** | Thông tin | 1.22 | BenhVien | Bệnh viện | Chuỗi | 250 | |
| **I** | Thông tin | 1.23 | MaCSKCB | Mã cơ sở khám chữa bệnh | Chuỗi | 25 | |
| **I** | Thông tin | 1.24 | IDMauPhieu | Mã định danh mẫu phiếu | Số nguyên | 5 | |
| **II** | Kết quả | 2.1 | ListChucNang | Danh sách kết quả đo chức năng hô hấp | List<ChucNangHoHap> | | |

Chuỗi Json


{
"ID": 0,
"MaBenhNhan": "",
"Khoa": "Khoa Hô Hấp",
"Buong": "B12",
"Giuong": "05",
"LanThu": "1",
"SoVaoVien": "SVV20260309001",

"TenBenhNhan": "Nguyễn Văn A",
"Tuoi": 45,
"GioiTinh": 1,
"ChanDoan": "Theo dõi bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)",
"DiaChi": "Quận 10, TP Hồ Chí Minh",
"NgayLamPhieu": "2026-03-09 10:30",
"MaBacSiDieuTri": "BS001",
"BacSiDieuTri": "Trần Văn B",
"MaBacSiChuyenKhoa": "BS002",
"BacSiChuyenKhoa": "Lê Văn C",
"MaQuanLy": 150058,
"NgaySinh": "1981-05-12",
"NgayVaoVien": "2026-03-08 14:20",
"SoYTe": "Sở Y tế TP Hồ Chí Minh",
"BenhVien": "Bệnh viện Chợ Rẫy",
"MaCSKCB": "79019",
"IDMauPhieu": 341,
"ListChucNang": [
{
"TenChucNang": "Đo dung tích sống",
"DungTichSong": "4.5 L",
"DTThoRa": "3.8 L",
"TiSo": "85%",
"ThongKhi": "7.2 L/phút",
"KhiDuTru": "1.2 L"
},
{
"TenChucNang": "Đo thông khí phổi",
"DungTichSong": "4.3 L",
"DTThoRa": "3.6 L",
"TiSo": "83%",

"ThongKhi": "7.0 L/phút",
"KhiDuTru": "1.1 L"
}
]
}